

KẾ HOẠCH
KIỂM TRA ĐỊNH KỲ HỌC KỲ 1 LỚP 1,2,3,4,5
NĂM HỌC 2023-2024

Căn cứ Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 30/ 2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 16/8/2023 của Ủy ban nhân dân quận Hải An về kế hoạch Triển khai thực hiện công tác Giáo dục và Đào tạo năm học 2023-2024;

Căn cứ Kế hoạch số 29/KH - GDTH ngày 18/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch chuyên môn giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 của nhà trường;

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh để thống nhất công tác chỉ đạo, quản lý chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Kết quả kiểm tra định kỳ học kỳ 1 năm học 2023-2024 là một trong những cơ sở để điều chỉnh và xác định mục tiêu phấn đấu cho mỗi học sinh và giáo viên trong quá trình dạy và học.

- Kết quả kiểm tra chất lượng học kỳ I không hoàn toàn tham gia vào việc đánh giá xếp loại học lực môn Tiếng Việt, Toán, Tiếng Anh, Khoa học, Lịch sử - Địa lý, Tin học và Công nghệ của học sinh lớp 1,2,3,4,5.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đánh giá cuối học kỳ I khách quan, đánh giá đúng thực chất nhận thức và không gây áp lực cho học sinh.

- Thực hiện đúng quy chế hiện hành về đánh giá học sinh tiểu học.

3. Nội dung khảo sát:

- Lớp 5: Môn Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử - Địa lý, Tiếng Anh (Kiến thức hết tuần 16 chương trình Theo chương trình Bộ GD&ĐT ban hành).

- Lớp 4: Môn Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử - Địa lý, Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ (Kiến thức hết tuần 16 chương trình Theo Chương trình GDPT 2018).



- Lớp 3: Môn Tiếng Việt, Toán, Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ (Kiến thức hết tuần 16 chương trình Theo Chương trình GDPT 2018).

- Lớp 1,2: Môn Tiếng Việt, Toán, Tiếng Anh (Kiến thức hết tuần 16 chương trình Theo Chương trình GDPT 2018).

- Các môn còn lại của các khối lớp kiểm tra trong tuần 16 theo Thời gian biểu

4. Hình thức kiểm tra:

- Môn Tiếng Anh, Khoa học, Lịch sử - Địa lý, Tin học và Công nghệ kiểm tra theo lớp

- Hai môn Toán, Tiếng Việt học sinh ngồi theo phòng thi.

* Tổng số 5 khối: 1237 học sinh = 43 phòng thi

- Khối 1: 225/8 phòng thi (28 hoặc 29 HS /phòng)

- Khối 2: 233/8 phòng thi (29 hoặc 30 HS /phòng)

- Khối 3: 253/9 phòng thi (28 hoặc 29 HS /phòng)

- Khối 4: 287/10 phòng thi (28 hoặc 29 HS /phòng)

- Khối 5: 239/8 phòng thi (29 hoặc 30 HS /phòng)

- Đồi chéo giáo viên các khối coi kiểm tra.

- Khối 1:

Phòng thi số 1: phòng học 01	Phòng thi số 5: phòng học 05
Phòng thi số 2: phòng học 02	Phòng thi số 6: phòng học 11
Phòng thi số 3: phòng học 03	Phòng thi số 7: phòng học 12
Phòng thi số 4: phòng học 04	Phòng thi số 8: phòng học 13

- Khối 3:

Phòng thi số 1: phòng học 14	Phòng thi số 6: phòng học 19
Phòng thi số 2: phòng học 15	Phòng thi số 7: phòng học 20
Phòng thi số 3: phòng học 16	Phòng thi số 8: phòng học 23
Phòng thi số 4: phòng học 17	Phòng thi số 9: phòng học 22
Phòng thi số 5: phòng học 18	

- Khối 5:

Phòng thi số 1: phòng học 16	Phòng thi số 5: phòng học 20
Phòng thi số 2: phòng học 17	Phòng thi số 6: phòng học 21
Phòng thi số 3: phòng học 18	Phòng thi số 7: phòng học 22
Phòng thi số 4: phòng học 19	Phòng thi số 8: phòng học 23

- Khối 2:

Phòng thi số 1: phòng học 01	Phòng thi số 5: phòng học 05
Phòng thi số 2: phòng học 02	Phòng thi số 6: phòng học 11
Phòng thi số 3: phòng học 03	Phòng thi số 7: phòng học 12
Phòng thi số 4: phòng học 04	Phòng thi số 8: phòng học 13

- Khối 4:

Phòng thi số 1: phòng học 14	Phòng thi số 6: phòng học 19
------------------------------	------------------------------

Phòng thi số 2: phòng học 15	Phòng thi số 7: phòng học 20
Phòng thi số 3: phòng học 16	Phòng thi số 8: phòng học 21
Phòng thi số 4: phòng học 17	Phòng thi số 9: phòng học 22
Phòng thi số 5: phòng học 18	Phòng thi số 10: phòng học 23

* Giáo viên coi thi : 1 – 2 đ/c / Phòng thi

- Giáo viên toàn trường.

5. Tổ chức kiểm tra:

a) Thời gian và lịch kiểm tra

- Thời gian làm bài cho môn Tiếng Việt là 90 phút (gồm phần đọc chính tả và tập làm văn, đọc thành tiếng)

- Thời gian làm bài cho môn Toán là 40 phút.

- Thời gian kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I:

+ Môn Tiếng Anh

. Vào ngày 19/12/2023 GVCN coi

Lớp 1,2 : Tiết 1 buổi sáng

Lớp 3,5 : tiết 2 buổi Chiều

. Vào ngày 20/12/2023

Lớp 4: Tiết 1 buổi sáng

+ Môn Khoa học, Lịch sử - Địa lý lớp 4,5 vào ngày 20/12/2023, GVCN

chéo lớp.

Lớp 4: Tiết 2,3 buổi sáng

Lớp 5: tiết 1,2 buổi chiều

+ Môn Tin học lớp 3,4, Công nghệ lớp 3,4 vào ngày 20,21/12/2023, GVCN

coi chéo lớp.

. Vào ngày 20/12/2023

Lớp 3: Tiết 1,2 buổi chiều

. Vào ngày 21/12/2023

Lớp 4: tiết 1,2 buổi sáng

+ Môn Tiếng Việt, Toán vào ngày: 26,27/12/2023

* Ngày 26/12/2023

Sáng 26/12/2023 : Khảo sát chất lượng 2 môn: Toán + Tiếng Việt khối 1,3

- Thời gian làm bài buổi sáng:

+ Môn Tiếng Việt: Từ 7h30' đến 9h

+ Môn Toán : Từ 9h 30 đến 10h10'

Chiều 26/12/2023: Khảo sát chất lượng 2 môn: Toán + Tiếng Việt khối 5

- Thời gian làm bài buổi chiều:

+ Môn Tiếng Việt: Từ 14h00' đến 15h30'

+ Môn Toán : Từ 16h00' đến 16h40'

* Ngày 27/12/2023

Sáng 27/12/2023: Khảo sát chất lượng 2 môn: Toán + Tiếng Việt khối 2,4

- Thời gian làm bài buổi sáng:

+ Môn Tiếng Việt: Từ 7h30' đến 9h

+ Môn Toán : Từ 9h 30 đến 10h10'

b) Thành lập hội đồng coi thi, chấm thi.

- Hội đồng coi thi và chấm thi gồm các thành phần sau:
- + Chủ tịch Hội đồng : Ông Nguyễn Phú Thuận - Hiệu trưởng
- + Phó chủ tịch Hội đồng: Bà Mai Thị Thanh Nụ - Phó hiệu trưởng,
- + Giám thị: Giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên năng khiếu, tự chọn (có danh sách kèm theo).

- Chấm thi: 14h ngày 27/12/2023
7h30' ngày 28/12/2023 và 14h ngày 28/12/2023

- * Vào điểm:
- + Khớp phách, vào điểm tờ phoi: Hoàng Liên TA, Nguyệt, Phạm Thảo, Hải, Thim, Thùy Chi. Tâm. (ngày 28/12/2023)
- + Nhập điểm trên phần mềm : Đ/c Hằng, Châm, Đạt, Nguyễn Quỳnh (ngày 02/01/2024)

+ Thư kí: Bà Hà Thị Hằng

- Nộp báo cáo kết quả: ngày 03/01/2024 (5 đ/c khối trưởng)

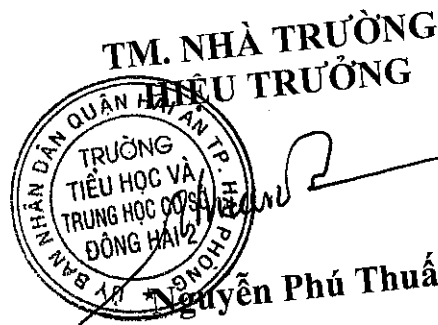
c) Đề khảo sát

- Ban giám hiệu chỉ đạo ra đề (đảm bảo đúng chuẩn KT - KN môn học, lớp học).
- Đề khảo sát được bảo mật một cách tuyệt đối.

Trên đây là kế hoạch tổ chức kiểm tra chất lượng học kỳ I năm học 2023 – 2024, nhà trường yêu cầu các tổ trưởng chuyên môn, các giáo viên nghiên cứu và thực hiện nghiêm túc kế hoạch này. Cán bộ coi, chấm kiểm tra và học sinh vi phạm quy chế, tùy theo mức độ vi phạm để xử lý, kỷ luật./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các PHT;
- Triển khai CB, GV;
- Lưu: VT.



KẾ HOẠCH
KIỂM TRA ĐỊNH KỲ HỌC KỲ 1 LỚP 1,2,3,4,5
NĂM HỌC 2023-2024

Căn cứ Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 30/ 2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 16/8/2023 của Ủy ban nhân dân quận Hải An về kế hoạch Triển khai thực hiện công tác Giáo dục và Đào tạo năm học 2023-2024;

Căn cứ Kế hoạch số 29/KH - GDTH ngày 18/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch chuyên môn giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 của nhà trường;

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh để thống nhất công tác chỉ đạo, quản lý chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Kết quả kiểm tra định kỳ học kỳ 1 năm học 2023-2024 là một trong những cơ sở để điều chỉnh và xác định mục tiêu phấn đấu cho mỗi học sinh và giáo viên trong quá trình dạy và học.

- Kết quả kiểm tra chất lượng học kỳ I không hoàn toàn tham gia vào việc đánh giá xếp loại học lực môn Tiếng Việt, Toán, Tiếng Anh, Khoa học, Lịch sử - Địa lý, Tin học và Công nghệ của học sinh lớp 1,2,3,4,5.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đánh giá cuối học kỳ I khách quan, đánh giá đúng thực chất nhận thức và không gây áp lực cho học sinh.

- Thực hiện đúng quy chế hiện hành về đánh giá học sinh tiểu học.

3. Nội dung khảo sát:

- Lớp 5: Môn Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử - Địa lý, Tiếng Anh (Kiến thức hết tuần 16 chương trình Theo chương trình Bộ GD&ĐT ban hành).

- Lớp 4: Môn Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử - Địa lý, Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ (Kiến thức hết tuần 16 chương trình Theo Chương trình GDPT 2018).



- Lớp 3: Môn Tiếng Việt, Toán, Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ (Kiến thức hết tuần 16 chương trình Theo Chương trình GDPT 2018).
- Lớp 1,2: Môn Tiếng Việt, Toán, Tiếng Anh (Kiến thức hết tuần 16 chương trình Theo Chương trình GDPT 2018).
- Các môn còn lại của các khối lớp kiểm tra trong tuần 16 theo Thời khóa biểu.

4. Hình thức kiểm tra:

- Môn Tiếng Anh, Khoa học, Lịch sử - Địa lý, Tin học và Công nghệ kiểm tra theo lớp

- Hai môn Toán, Tiếng Việt học sinh ngồi theo phòng thi.

- * Tổng số 5 khối: 1237 học sinh = 43 phòng thi
- Khối 1: 225/8 phòng thi (28 hoặc 29 HS /phòng)
- Khối 2: 233/8 phòng thi (29 hoặc 30 HS /phòng)
- Khối 3: 253/9 phòng thi (28 hoặc 29 HS /phòng)
- Khối 4: 287/10 phòng thi (28 hoặc 29 HS /phòng)
- Khối 5: 239/8 phòng thi (29 hoặc 30 HS /phòng)
- Đồi chéo giáo viên các khối coi kiểm tra.

- Khối 1:

Phòng thi số 1: phòng học 01	Phòng thi số 5: phòng học 05
Phòng thi số 2: phòng học 02	Phòng thi số 6: phòng học 11
Phòng thi số 3: phòng học 03	Phòng thi số 7: phòng học 12
Phòng thi số 4: phòng học 04	Phòng thi số 8: phòng học 13

- Khối 3:

Phòng thi số 1: phòng học 14	Phòng thi số 6: phòng học 19
Phòng thi số 2: phòng học 15	Phòng thi số 7: phòng học 20
Phòng thi số 3: phòng học 16	Phòng thi số 8: phòng học 23
Phòng thi số 4: phòng học 17	Phòng thi số 9: phòng học 22
Phòng thi số 5: phòng học 18	

- Khối 5:

Phòng thi số 1: phòng học 16	Phòng thi số 5: phòng học 20
Phòng thi số 2: phòng học 17	Phòng thi số 6: phòng học 21
Phòng thi số 3: phòng học 18	Phòng thi số 7: phòng học 22
Phòng thi số 4: phòng học 19	Phòng thi số 8: phòng học 23

- Khối 2:

Phòng thi số 1: phòng học 01	Phòng thi số 5: phòng học 05
Phòng thi số 2: phòng học 02	Phòng thi số 6: phòng học 11
Phòng thi số 3: phòng học 03	Phòng thi số 7: phòng học 12
Phòng thi số 4: phòng học 04	Phòng thi số 8: phòng học 13

- Khối 4:

Phòng thi số 1: phòng học 14	Phòng thi số 6: phòng học 19
------------------------------	------------------------------